

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DNA-CDVT
V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ
Sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 2
(C-01R1S001b)

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 2 (C-01R1S001b) thuộc Phân xưởng Khí hóa than. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng hạng mục nêu trên (*theo phụ lục đính kèm*).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 06/08/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắc Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nội nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CDVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Tiến Dũng

Phụ lục: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 2 (C-01R1S001b) thuộc Phân xưởng Khí hóa than

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Phốt thủy lực	45x55x6mm	Sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 2 (C-01R1S001b) thuộc Phân xưởng Khí hóa than	Cái	3,0000	
2	Phốt thủy lực	45x57x10mm		Cái	3,0000	
3	Phốt thủy lực	53x63x6mm		Cái	4,0000	
4	Phốt thủy lực	70x80x6mm		Cái	2,0000	
5	Thép ống	DN300, SCH20, SUS304		Mét	15,0000	
6	Bu lông	M24x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông + 1 đai ốc + 1 đệm phẳng + 1 đệm vênh		Bộ	200	
7	Bu lông	M27x150mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 1 bu lông + 1 đai ốc + 1 đệm phẳng + 1 đệm vênh		Bộ	30	
8	Bu lông	M14x60mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		Bộ	16	
9	Bu lông	Bu lông M18x160 ren 2/3; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		Bộ	20	
10	Bu lông	M20x100mm; ren 1/2; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		Bộ	24	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
11	Bu lông	M20x80mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng	Sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 2 (C-01R1S001b) thuộc Phân xưởng Khí hóa than	Bộ	100	
12	Bu lông	M24x100mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 02 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		Bộ	72	
13	Bu lông	M27x120mm; ren suốt; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 bu lông + 01 đai ốc + 01 đệm vênh + 01 đệm phẳng		Bộ	60	
14	Đá cắt	Ø100x1,6x6mm		Viên	11	
15	Đá mài	Ø100x16x6mm		Viên	80	
16	Đá mài cước	60mm/m 10x1,5mm		Viên	16	
17	Dầu DO	0,05S		Lít	2,3	
18	Dầu bôi trơn	Dầu Total Carter EP 320		Lít	10	
19	Dây amiang	Ø20mm; chịu nhiệt độ >550 độ		Mét	120	
20	Giẻ lau	Cotton; 30x30cm		Kg	2	
21	Gioăng cao su	80x3,5mm		Cái	3	
22	Gu zông	M24x250mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 gu zông + 02 đai ốc + 02 đệm vênh + 02 đệm phẳng		Bộ	2	

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
23	Gu zông	M24x320mm; cường lực 8.8; đen; bao gồm 01 gu zông + 02 đai ốc + 02 đệm vênh + 02 đệm phẳng	Sửa chữa bảo dưỡng lò sinh khí số 2 (C-01R1S001b) thuộc Phân xưởng Khí hóa than	Bộ	18	
24	Dầu chì	TR6000C		Kg	17	
25	Khí gas	12kg/bình		Kg	37	
26	Ô xy	độ tinh khiết >=99,6%, 150 bar, 40 lít/bình		Bình	18	
27	Que hàn chịu lực	K-7018; 4.0mm		Kg	640	
28	Que hàn inox	G309L; 3.2mm		Kg	2	
29	Que hàn	KT-421 3.2mm		Kg	75	
30	Sơn cách điện	Sơn cách điện cao cấp SK-03		Bình	1	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

STT	Tên vật tư/nội dung công việc	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ:.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.